

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ  
Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh  
Tên tiếng Anh: Business Administration  
Mã ngành: 8340101  
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng  
Hình thức đào tạo: Chính quy

Bình Định, 2024



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4499/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Quản trị kinh doanh
Tên tiếng Anh:	Business Administration
Mã ngành:	8340101
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn hiện đại, toàn diện trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả; khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh giúp cho người học:

- PO1: Có kiến thức chuyên môn; tư duy chiến lược; khả năng phân tích, đánh giá, dự báo những thay đổi của môi trường kinh doanh.
- PO2: Có năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội.
- PO3: Có khả năng sáng tạo và đổi mới, thích nghi với môi trường kinh doanh toàn cầu.

### 2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng:

- Đảm nhận các vị trí quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước.



- Giữ vị trí là các chuyên gia tham mưu cho lãnh đạo doanh nghiệp trong tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị doanh nghiệp, tổ chức.

- Khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp hoặc giữ vị trí giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Giữ vị trí là các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước.

- Nghiên cứu để giảng dạy chuyên sâu về quản trị kinh doanh ở các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp; tiếp tục tham gia nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh...

### 3. CHUẨN ĐẦU RA

Học viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh có khả năng:

#### - Về kiến thức

PLO1: Tổng hợp kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và liên ngành trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

#### - Về kỹ năng

PLO2: Thực hiện thuần thục kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO3: Phát triển tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và quản trị.

#### - Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO4: Đánh giá các hoạt động quản trị và đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản trị.

PLO5: Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong xu hướng hội nhập.

(Rubric, chỉ báo đo lường CDR của CTĐT được trình bày trong phụ lục).

### 4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh;

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**Danh mục ngành đại học phù hợp:** Thuộc nhóm ngành Kinh doanh (73401) trong Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).



TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	QTKD	Quản trị kinh doanh	
2	QTKD	Marketing	
3	QTKD	Bất động sản	
4	QTKD	Kinh doanh quốc tế	
5	QTKD	Kinh doanh thương mại	
6	QTKD	Thương mại điện tử	
7	QTKD	Kinh doanh thời trang và dệt may	

**Danh mục ngành đại học cần bổ sung kiến thức và các học phần bổ sung kiến thức:**

STT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	QTKD	Tài chính – Ngân hàng	Khởi sự kinh doanh	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất học phần bổ sung kiến thức
2	QTKD	Bảo hiểm		
3	QTKD	Kế toán		
4	QTKD	Kiểm toán		
5	QTKD	Khoa học quản lý		
6	QTKD	Quản lý công		
7	QTKD	Quản trị nhân lực		
8	QTKD	Hệ thống thông tin quản lý		
9	QTKD	Quản trị văn phòng		
10	QTKD	Quan hệ lao động		
11	QTKD	Quản lý dự án		
12	QTKD	Các ngành còn lại trong Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học (ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	- Khởi sự kinh doanh - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị học	
13	QTKD	<i>Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp</i>		



## 5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

**6.1. Thời gian đào tạo:** 2 năm (24 tháng)

**6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 60 tín chỉ, trong đó có 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ).

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	2
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	49
Các học phần bắt buộc	33
Các học phần tự chọn	16
Học phần tốt nghiệp (Đề án)	9
<b>Tổng</b>	<b>60</b>

## 7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn

### 7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án thạc sĩ đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.



### 7.3. Tên văn bằng được cấp

Tiếng Việt: BẰNG THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tiếng Anh: THE DEGREE OF MASTER IN BUSINESS ADMINISTRATION

## 8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

### 8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Đánh giá chuyên cần: tham dự lớp học đầy đủ.</p> <p>* Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu chi tiết trong M4 của học phần.</p>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần</p> <p>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p>	70%	60%	50%



- *Học phần thực tập chuyên môn*: 50% điểm quá trình (giảng viên hướng dẫn); 50% điểm vấn đáp chấm báo cáo (thành viên đánh giá được thành lập theo phân công của khoa). Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong đề cương chi tiết của học phần.

- *Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)*:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong đề cương chi tiết của học phần.

### 8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

## 9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
<b>I. Phần kiến thức chung</b>					2					
1	XHTH	101	Triết học	1	2	1	1		LLCT-L-QLNN	
<b>II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>					49					
<b>II.1. Phần bắt buộc</b>					33					
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
7	QTMK	105	Quản trị marketing	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	



9	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
10	QTCT	302	Quản trị công ty hiện đại	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
11	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	3	2		2			TC-NH & QTKD
12	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4	4		4			TC-NH & QTKD
<b>II.2. Phần tự chọn</b>				<b>16</b>						
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				2						
13	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	1	2	1	1			TC-NH & QTKD
14	QTLĐ	205	Lãnh đạo	1	2	1	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3						
15	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
16	QTCL	309	Quản trị chất lượng	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
17	QTKT	307	Kế toán quản trị	3	3	2	1			Kinh tế & Kế toán
<i>Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3						
18	QTTĐ	204	Thương mại điện tử	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
19	QTKD	205	Kinh doanh số	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
20	QTĐM	207	Quản trị sự đổi mới	2	3	2	1			TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3						
21	QTĐT	311	Quản trị danh mục đầu tư	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
22	QTDA	303	Quản trị dự án	3	3	2	1			TC-NH & QTKD
23	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3	3	2	1			TC-NH & QTKD



<i>Tự chọn 5: Chọn 1 trong 3 học phần</i>					3						
24	QTHV	302	Hành vi tổ chức	2	3	2	1				TC-NH & QTKD
25	QTKH	209	Quản trị quan hệ khách hàng	2	3	2	1				TC-NH & QTKD
26	QTTN	208	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	3	2	1				TC-NH & QTKD
<i>Tự chọn 6: Chọn 1 trong 2 học phần</i>					2	2					
27	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1		1			Toán & Thống kê
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	3	2	1	1				TC-NH & QTKD
<b>III. Học phần tốt nghiệp (Đề án)</b>					9						
29	QTĐA	402	Đề án thạc sĩ	4	9						TC-NH & QTKD
<b>Tổng cộng</b>					<b>60</b>						

**Bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra**

STT	Tên HP	Chuẩn đầu ra (PLOs)				
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
1	Triết học	x		x		
2	Kinh tế quản lý	x			x	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh			x	x	x
4	Quản trị chiến lược	x		x	x	x
5	Quản trị tác nghiệp		x		x	
6	Quản trị nguồn nhân lực	x		x	x	
7	Quản trị marketing	x		x	x	
8	Quản trị tài chính	x	x		x	
9	Quản trị kinh doanh quốc tế	x	x			x
10	Quản trị công ty hiện đại	x		x	x	
11	Thực tập chuyên môn 1	x		x		
12	Thực tập chuyên môn 2	x	x	x	x	
<i>Tự chọn 1</i>						



13	Kỹ năng đàm phán		x	x		
14	Lãnh đạo		x	x		
<i>Tự chọn 2</i>						
15	Quản trị chuỗi cung ứng			x	x	x
16	Quản trị chất lượng			x	x	x
17	Kế toán quản trị			x	x	x
<i>Tự chọn 3</i>						
18	Thương mại điện tử			x	x	
19	Kinh doanh số			x	x	
20	Quản trị sự đổi mới			x	x	
<i>Tự chọn 4</i>						
21	Quản trị danh mục đầu tư	x		x	x	
22	Quản trị dự án	x		x	x	
23	Quản trị rủi ro	x		x	x	
<i>Tự chọn 5</i>						
24	Hành vi tổ chức			x	x	x
25	Quản trị quan hệ khách hàng			x	x	x
26	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp			x	x	x
<i>Tự chọn 6</i>						
27	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh				x	x
28	Phân tích chính sách công			x	x	
29	Đề án thực sĩ	x	x	x	x	x

## 10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	XHTH	101	Triết học	2	2				TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy PGS.TS Đoàn Thế Hùng	LLCT-L - QLNN
<b>II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>				<b>49</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>4</b>		
<i>II.1. Bắt buộc</i>				<i>33</i>	<i>12</i>	<i>9</i>	<i>8</i>			
2	QTKT	102	Kinh tế quản lý	3	3				TS. Trần Thị Thanh Diệu	TC-NH&



									TS. Trần Thị Diệu Hương	QTKD
3	QTPP	103	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	3				TS. Nguyễn Hoàng Phong TS. Đặng Thị Thanh Loan	TC-NH& QTKD
4	QTCL	201	Quản trị chiến lược	3	3				TS. Nguyễn Chí Tranh TS. Nguyễn Thị Hạnh PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH &QTKD
5	QTTN	202	Quản trị tác nghiệp	3		3			TS. Đặng Thị Thanh Loan TS. Trần Thanh Phong	TC-NH &QTKD
6	QTNL	104	Quản trị nguồn nhân lực	3		3			TS. Nguyễn Thị Kim Ánh TS. Phạm Thị Hương	TC-NH &QTKD
7	QTMK	105	Quản trị marketing	3	3				TS. Lê Dzu Nhật TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo	TC-NH &QTKD
8	QTTC	203	Quản trị tài chính	3		3			TS. Phan Trọng Nghĩa TS. Phan Thị Quốc Hương	TC-NH &QTKD
9	QTQT	304	Quản trị kinh doanh quốc tế	3			3		PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ TS. Nguyễn Thị Kim Ánh	TC-NH &QTKD
10	QTCT	302	Quản trị công ty hiện đại	3			3		PGS.TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Lê Dzu Nhật	TC-NH &QTKD
11	QTTT	301	Thực tập chuyên môn 1	2			2		Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
12	QTTT	401	Thực tập chuyên môn 2	4			4		Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
<b>II.2. Phần tự chọn</b>				<b>16</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>0</b>		
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				2						
13	QTĐP	204	Kỹ năng đàm phán	2	2				TS. Đặng Hồng Vương TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
14	QTLĐ	205	Lãnh đạo	2	2				TS. Trịnh Thị Thúy Hồng PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3						
15	QTCU	306	Quản trị chuỗi cung ứng	3			3		TS. Vũ Thị Nữ TS. Kiều Thị Hương PGS.TS. Hồ Thị Thu Hòa	TC-NH& QTKD
16	QTCL	309	Quản trị chất lượng	3			3		TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo TS. Trương Thị Ngọc Thuyên	TC-NH& QTKD
17	QTKT	307	Kế toán quản trị	3			3		PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Lê Thị Mỹ Tú	Kinh tế và Kế toán
<i>Tự chọn 3: Chọn 2 trong 3 học phần</i>				3						
18	QTTĐ	204	Thương mại điện tử	3			3		TS. Đặng Hồng Vương TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
19	QTKD	205	Kinh doanh số	3			3		TS. Phạm Thị Hương	TC-NH&



								TS. Vũ Thị Nữ TS. Trịnh Thị Thúy Hồng	QTKD
20	QTĐM	207	Quản trị sự đổi mới	3		3		TS. Kiều Thị Hường TS. Phạm Trần Trúc Viên	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3					
21	QTĐT	311	Quản trị danh mục đầu tư	3		3		TS. Trần Thị Diệu Hường TS. Phan Trọng Nghĩa	Toán và Thống kê
22	QTDA	303	Quản trị dự án	3		3		TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Nguyễn Hữu Trúc	TC-NH& QTKD
23	QTRR	305	Quản trị rủi ro	3		3		PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Nguyễn Hoàng Phong	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 5: Chọn 1 trong 3 học phần</i>				3					
24	QTHV	302	Hành vi tổ chức	3		3		TS. Nguyễn Thị Hạnh PGS. TS. Nguyễn Phúc Nguyễn	TC-NH& QTKD
25	QTKH	209	Quản trị quan hệ khách hàng	3		3		TS. Phạm Thị Thúy Hằng TS. Trần Thị Thanh Diệu	TC-NH& QTKD
26	QTTN	208	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3		3		PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Phạm Thị Thúy Hằng	TC-NH& QTKD
<i>Tự chọn 6: Chọn 1 trong 2 học phần</i>				2					
27	QTTK	308	Thống kê và phân tích dữ liệu kinh doanh	2		2		TS. Lâm Thị Thanh Tâm TS. Huỳnh Minh Hiền	Toán và Thống kê
28	QTCS	310	Phân tích chính sách công	2		2		TS. Lê Việt An TS. Trịnh Thị Thúy Hồng TS. Phan Thị Quốc Hương	TC-NH& QTKD
<b>III. Học phần tốt nghiệp (Đề án)</b>				<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	
29	QTĐA	402	Đề án thạc sĩ	9			9	Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH& QTKD
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>13</b>	

## 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khoá tuyển sinh thạc sĩ năm 2025 cho học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý ngành và Khoa quản lý học phần tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần nhằm đảm bảo mục tiêu, nội



dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Quy Nhơn nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG 



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO' at the top and 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN' at the bottom, separated by a star symbol. The center of the stamp contains the text 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN'.

PGS. TS. Đoàn Đức Tùng



## CHỈ BÁO ĐO LƯỜNG CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quy chế và hình thức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, được ban hành theo Quyết định số 4499/QĐ-ĐHQN

ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)



[1] PLOs	[2] PIs	[3] Criteria/ Dimension	[4] Performance Level				
			(0) Do not meet requirements	(1) Needs Improvement I	(2) Developing R	(3) Sufficient E	(4) Above Sufficient E
<b>PLO1:</b> Tổng hợp kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và liên ngành trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	1.1. Nhận diện các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận thức	Chưa nhận diện được các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận diện chưa rõ ràng các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận diện được cơ bản các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận diện rõ ràng các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận diện rõ ràng và đầy đủ các kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị.
	1.2. Xây dựng các phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Thực hành	Chưa xây dựng được các phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Xây dựng được một vài phương án đơn giản để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Xây dựng được cơ bản các phương án để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Xây dựng đầy đủ các phương án để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	Xây dựng đầy đủ và khả thi các phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động kinh doanh và quản trị.
	1.3. Giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.	Thực hành	Chưa kết hợp được các kiến thức để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.	Kết hợp một số kiến thức rời rạc để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.	Kết hợp nên tảng để thực hành, giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.	Kết hợp đầy đủ các kiến thức giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.	Kết hợp toàn diện các kiến thức để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị theo phương án đã lựa chọn trong tình huống cụ thể.
<b>PLO2:</b>	2.1. Lập kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị	Nhận thức/ Thực hành	Chưa lập được kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị.	Lập được kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị chưa rõ ràng.	Lập được kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị rõ.	Lập được kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị rõ ràng và hợp lý.	Lập được kế hoạch các hoạt động kinh doanh và quản trị rất rõ ràng và logic.



Thực hiện thuần thực kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh và quản trị.	Thực hiện các hoạt động kinh doanh và quản trị	Thực hành	Chưa tổ chức thực hiện được các hoạt động kinh doanh và quản trị	Tổ chức thực hiện được một vài hoạt động kinh doanh và quản trị đơn giản	ràng nhưng chưa hợp lý	Tổ chức thực hiện được đầy đủ và hiệu quả các hoạt động kinh doanh và quản trị	Tổ chức thực hiện được đầy đủ và hiệu quả các hoạt động kinh doanh và quản trị				
								Chưa điều hành được các hoạt động kinh doanh và quản trị hay chỉ ở mức độ dưới 40% nội dung công việc	Điều hành các hoạt động kinh doanh và quản trị đơn giản nhưng chưa hợp lý	Điều hành hợp lý tất cả các hoạt động kinh doanh và quản trị	Điều hành hợp lý và linh hoạt tất cả các hoạt động kinh doanh và quản trị
PLO3: Phát triển tư duy phân biện, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh và quản trị.	2.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh và quản trị	Thực hành	Chưa giám sát được các hoạt động kinh doanh và quản trị	Giám sát được một vài hoạt động kinh doanh và quản trị đơn giản	Giám sát được một số hoạt động kinh doanh và quản trị cơ bản	Giám sát được đầy đủ các hoạt động kinh doanh và quản trị	Giám sát được đầy đủ và hiệu quả các hoạt động kinh doanh và quản trị				
								Chưa xác định được các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Xác định chưa rõ ràng các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Xác định được các vấn đề chính trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Xác định đầy đủ và rõ ràng các vấn đề chính trong hoạt động kinh doanh và quản trị
								Chưa phân tích được các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Phân tích chưa rõ ràng thông tin dưới các khía cạnh khác nhau	Phân tích được cơ bản các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Phân tích được các vấn đề chính trong hoạt động kinh doanh và quản trị
3.3. Trình bày luận điểm có căn cứ về vấn đề đặt ra trong	Thực hành	Chưa trình bày được luận điểm và minh chứng về vấn đề đặt ra	Trình bày luận điểm chưa rõ ràng và sử dụng minh chứng chưa phù hợp về vấn đề đặt	Trình bày luận điểm	Trình bày được luận điểm và sử dụng chứng cứ minh chứng phù hợp về vấn đề	Trình bày được luận điểm và sử dụng minh chứng phù hợp về vấn đề	Trình bày được luận điểm và sử dụng minh chứng thuyết phục về vấn đề đặt ra				



	hoạt động kinh doanh và quản trị		trong hoạt động kinh doanh và quản trị	ra trong hoạt động kinh doanh và quản trị	động kinh doanh và quản trị	đặt ra trong hoạt động kinh doanh và quản trị	trong hoạt động kinh doanh và quản trị
	3.4. Đề xuất ý tưởng mới trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Thực hành	Chưa đề xuất được ý tưởng mới trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Sơ khai đề xuất ý tưởng mới trong hoạt động kinh doanh và quản trị nhưng không khả thi	Đề xuất được ý tưởng mới trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Đề xuất ý tưởng mới, có tính khả thi, độc đáo hoặc vượt trội trong hoạt động kinh doanh và quản trị	Đề xuất ý tưởng mới, có tính khả thi, độc đáo hoặc vượt trội trong hoạt động kinh doanh và quản trị
<b>PLO4:</b> Đánh giá các hoạt động quản trị và đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản trị.	4.1. Đánh giá các hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận thức/ Thực hành	Chưa đánh giá được thực trạng các hoạt động kinh doanh và quản trị	Đánh giá thực trạng một số hoạt động kinh doanh và quản trị nhưng chưa chính xác	Đánh giá đúng thực trạng một số hoạt động kinh doanh và quản trị	Đánh giá đúng, đầy đủ thực trạng các hoạt động kinh doanh và quản trị	Đánh giá đầy đủ, chính xác, hợp lý thực trạng các hoạt động kinh doanh và quản trị
	4.2. Đề xuất cải tiến hoạt động kinh doanh và quản trị.	Nhận thức/ Thực hành	Chưa đề xuất được cải tiến các hoạt động kinh doanh và quản trị	Đề xuất một số cải tiến các hoạt động kinh doanh và quản trị nhưng chưa hợp lý	Đề xuất một số cải tiến hợp lý các hoạt động kinh doanh và quản trị	Đề xuất đầy đủ, hợp lý các cải tiến hoạt động kinh doanh và quản trị	Đề xuất đầy đủ, hợp lý thuyết phục các cải tiến hoạt động kinh doanh và quản trị
<b>PLO5:</b> Thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh trong xu hướng hội nhập.	5.1. Khả năng hòa nhập, linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu	Nhận thức	Không có khả năng hòa nhập, linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu	Khả năng hòa nhập chậm, thiếu tính linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu	Có khả năng hòa nhập, ít linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu	Hòa nhập tốt và linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu	Nhạy cảm, hòa nhập tốt và linh hoạt với thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu
	5.2. Khả năng làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau.	Nhận thức	Không có khả năng làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau.	Có khả năng làm việc trong một số lĩnh vực khác nhau nhưng kết quả không cao	Có khả năng làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau	Có khả năng làm việc tốt trong nhiều lĩnh vực khác nhau	Có khả năng làm việc tốt, đạt kết quả cao trong nhiều lĩnh vực khác nhau